

Số: **261/2020/QĐST-HNGĐ**

*Cái Bè, ngày 18 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Duy Hùng**  
2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 751/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**\* Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**\* Bị đơn:** Anh **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh K thỏa thuận giao con chung tên Huỳnh Lê Thảo Q, sinh ngày 10/7/2014 cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu. Anh K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết M tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004414 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị M đã nộp xong tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Phú Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khỏe**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày **18 tháng 12 năm 2020**

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hồ Văn Khỏe**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**  
2. Ông **Đỗ Duy Hùng**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 751/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” giữa:

\* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết Mai**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Mỹ Điền, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

\* Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Ký**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp An Hiệp, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**1. Về Điều luật áp dụng:** Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

#### **2. Về nội dung:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết Mai**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp Mỹ Điền, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

\* Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Ký**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp An Hiệp, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết Mai và anh Huỳnh Văn Ký thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Mai và anh Ký thỏa thuận giao con chung tên Huỳnh Lê Thảo Uyên, sinh ngày 10/7/2014 cho chị Mai tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Ký không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Mai không có yêu cầu. Anh Ký được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết Mai tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004414 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị Mai đã nộp xong tiền án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

**3. Về các vấn đề khác:**

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày    tháng    năm **2019**.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khoẻ**



**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Khánh, H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khỏe**





Chị Thủy và anh Hùng trình bày thống nhất anh chị xác lập quan hệ quan hệ vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2001 thì chị Thủy và anh Hùng phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời gian 02 năm (từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, chị Thủy và anh Hùng vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Thủy và anh Hùng đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên quan hệ giữa chị Thủy và anh Hùng không được pháp luật công nhận là vợ chồng.